

BÌNH ĐẲNG HÔN NHÂN THEO TINH THẦN PHẬT GIÁO

Trần Thị Diễm Cần¹ và Nguyễn Lê Mẫn²

¹Nghiên cứu sinh Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh

²Học viên Thạc sĩ Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, TP. Hồ Chí Minh

Tóm tắt. Nghiên cứu được thực hiện nhằm phân tích sự bình đẳng hôn nhân theo tinh thần Phật giáo thông qua tạng Nikaya. Phân tích, so sánh, đối chiếu là phương pháp được sử dụng chủ yếu trong nghiên cứu này. Kết quả nghiên cứu cho thấy, dù đã qua hơn 2600 năm nhưng tư tưởng của đức Phật về vấn đề hôn nhân chưa bao giờ lạc hậu, để có được một cuộc hôn nhân hạnh phúc vợ chồng phải có bốn sự tương đồng (đồng tín, đồng giới, đồng trí huệ và đồng thí xả). Việc vận dụng lời Phật dạy vào đời sống nói chung và hôn nhân nói riêng có một ý nghĩa sâu sắc và đem lại nhiều giá trị cho sự phát triển con người. Từ kết quả phân tích mẫu hình gia đình lí tưởng điển hình khi đức Phật còn tại thế là “*cha mẹ Nakula*” – hôn nhân được xây dựng dựa trên tinh thần tư tưởng của đức Phật cùng với những quan điểm Phật giáo về bình đẳng, nghiên cứu đề xuất phương pháp hành trì nhằm duy trì nền tảng hôn nhân bền vững theo tinh thần lời Phật dạy, góp phần xây dựng một đời sống tinh thần lành mạnh của người Việt Nam hiện đại.

Từ khóa: Phật giáo, bình đẳng, hôn nhân.

1. Mở đầu

Thái tử Tất Đạt Đa sau khi chứng đạt và trở thành Bậc giác ngộ, lần đầu tiên Ngài chuyển bánh xe pháp đã thuyết bài Kinh đầu tiên – Kinh Chuyển Pháp Luân (Dhammacakkapavattana Sutta). con người lúc nào cũng sống theo hai thái cực, một là sự ham mê dục lạc (*kāmasukhallika-nuyoga*, được thực hành bởi những người thế gian, phàm phu, không liên hệ đến mục đích. Thái cực khác là tự hành xác (*attakilamatha-nuyoga*) là hành vi gây đau đớn, vô minh và không có lợi. Tránh xa hai cực đoan này là con đường Trung đạo đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn [1]. Lời dạy của đức Phật mặc dù không đề cập rõ ràng về bình đẳng giai cấp, bình đẳng nam nữ, không đề cập đến hôn nhân, tuy nhiên, thấu hiểu nghĩa lí sâu xa, ta có thể thấy rằng, dù bất cứ ai, đã là con người thì không ai tránh khỏi sanh, lão, bệnh, tử, không thể tránh được vô minh che mắt. Hôn nhân là một mối quan hệ xã hội mang tính sơ cấp thuần túy, được xem là một hoạt động thể tục, phi tôn giáo. Tín đồ Phật giáo tại gia tin rằng hôn nhân là một sự lựa chọn, không phải tất cả đều phải kết hôn. Tuy nhiên, khi kết hôn cả hai phải dựa trên tinh thần tự nguyện, đồng thuận và vui vẻ. Đức Phật không có bất cứ lời dạy chính thức nào về nghi lễ kết hôn phải bao gồm những gì và như thế nào. Những năm gần đây, có rất nhiều cặp đôi đến Chùa làm lễ Hằng thuận – đây là một nghi thức đặt niềm tin trọn vẹn vào tôn giáo mà họ tín ngưỡng, các cặp đôi muốn ngày quan trọng của cuộc đời có sự chứng minh và ban phúc của các bậc trưởng lão có phẩm hạnh và giới đức, điều mà họ luôn tin sẽ được may mắn và hạnh phúc trọn đời, tuy nhiên ở đây không có yếu tố tôn giáo. Trưởng lão Hòa thượng Tiến sĩ K. Sri. Dhammananda Maha Nayaka Thera dạy rằng: “*Nếu một người đàn ông có thể tìm được*

Ngày nhận bài: 2/3/2022. Ngày sửa bài: 29/4/2022. Ngày nhận đăng: 7/5/2022.

Tác giả liên hệ: Trần Thị Diễm Cần. Địa chỉ e-mail: ttdcan@ctu.edu.vn

một người vợ phù hợp và thấu hiểu, và một người phụ nữ có thể tìm được một người chồng phù hợp và thấu hiểu, thì cả hai quả thật là may mắn” (Trưởng lão Hòa thượng Tiến sĩ K. Sri. Dhammananda Maha Nayaka Thera (1919 – 2006) – Nhà Truyền giáo nổi tiếng của Mã Lai).

Thật vậy, để có được mối quan hệ vợ chồng ổn định, vững bền thì hai bên cần có những sự tương đồng nhất định, đó là, đồng tín (Samasaddhā, đồng giới (Samasīla, đồng thí xả (Samacāgā) và đồng trí tuệ (Samapaññā) [3]. Đây là bốn điều kiện cơ bản để có được một đời sống hạnh phúc đúng nghĩa, điều này có nghĩa là để vun bồi cho hạnh phúc hôn nhân theo quan điểm của Thế Tôn thì cả hai cần nỗ lực tu tập về tín, giới, thí và tuệ. Cả hai cùng tự nguyện kiện toàn tự thân, trung thành, thủy chung, sắt son thì hạnh phúc sẽ được hội tụ [4]. Trong *Kinh Trường Bộ*, đức Phật có dạy có năm cách mà người chồng phải đối xử với vợ, đó là, kính trọng vợ, không bắt kính đối với vợ; trung thành với vợ; giao quyền hành cho vợ; sắm đồ nữ trang với vợ; trong khi đó người vợ được chồng đối xử theo năm cách như vậy thì người vợ có lòng thương tưởng chồng theo năm cách, đó là, thi hành tốt đẹp bổn phận của mình; khéo tiếp đón bà con; trung thành với chồng; khéo gìn giữ tài sản của chồng; khéo léo và nhanh nhẹn làm mọi công việc [5]. Qua đây ta thấy được rằng, mối quan hệ hôn nhân hạnh phúc phải có sự tôn trọng lẫn nhau, đồng điều giữa hai người, thêm vào đó cả sự bao dung, thấu hiểu và chia sẻ.

Hôn nhân, theo Pháp luật nước Việt Nam, nguyên tắc luật quy định: “*Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng*”; “*Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không phân biệt đối xử giữa các con...*” [6]. Bình đẳng giữa nam và nữ trong hôn nhân, được thể hiện ở các khía cạnh cụ thể như bình đẳng trong quyết định kết hôn, “*việc kết hôn là do nam và nữ tự nguyện quyết định*” [6], phải đảm bảo quyền tự do như nhau trong việc lựa chọn bạn đời và chỉ kết hôn khi cả 2 hoàn toàn tự nguyện [7]. Ngoài ra, việc li hôn cũng được bình đẳng cho cả vợ và chồng, theo đó vợ, chồng hoặc cả 02 người đều có quyền cùng yêu cầu Tòa án giải quyết li hôn.

Tính bình đẳng trong hôn nhân ở đây không chỉ bình đẳng về quyền và nghĩa vụ mà còn bình đẳng trên mọi phương diện, lĩnh vực đời sống xã hội trên cơ sở tôn trọng và quan tâm nhau. Từ đó sẽ đảm bảo được những quyền và lợi ích hợp pháp của hai bên, duy trì mối quan hệ bình đẳng giúp hôn nhân luôn bền vững. Bình đẳng trong hôn nhân được thể hiện trong tất cả các mối quan hệ: Tài sản, nhân thân, những quyền và nghĩa vụ cơ bản, chăm sóc và giáo dục con cái. Khi bình đẳng trong hôn nhân và gia đình tức nghĩa là mọi sự tôn trọng dành cho các thành viên được nâng lên cao. Bên cạnh đó, việc thực hiện bình đẳng được thể hiện trong mọi khía cạnh của đời sống hôn nhân như cùng giúp đỡ nhau, sẽ chia công việc gia đình, chăm sóc con cái; được thỏa mãn tự do những nhu cầu cá nhân như giải trí, học tập, tham gia hoạt động xã hội, cộng đồng; được tham gia bàn bạc, trao đổi, tham gia vào quá trình ra quyết định trong gia đình cũng như bình đẳng, tôn trọng trong đời sống tình dục hay kế hoạch hóa gia đình.

Đức Phật dạy rằng: “*Giáo pháp của ta như nước trong, rửa sạch mọi ô uế, không phân biệt giàu nghèo, giai cấp, nam nữ, chỉ cần tu tập theo đường lối của ta thì đều được cứu độ (...)* giáo pháp ta không thiên vị cho bất kì một giai cấp hay đảng phái nào, mà là con đường chân chính, bình đẳng, an ổn cho tất cả chúng sinh”, bình đẳng hôn nhân trên cơ sở Pháp luật cũng thay đổi theo thời gian nhằm phù hợp với đời sống và nhu cầu thường nhật. Tuy nhiên, giá trị cốt lõi của bình đẳng vẫn có nét tương đồng so với những giá trị mà đức Phật đã dạy: “*Bình đẳng là ngang bằng, đồng đều, không cao thấp, cạn sâu; chỉ tất cả hiện tượng đều cùng một tính: không tính, duy thức tính hay chân như tính v.v...*” [8]. Sự tu dưỡng, đời sống đạo đức được đạo Phật xem là thước đo chuẩn mực của sự bình đẳng: “*Sự sang, hèn của con người là do nhân cách chứ không phải do giòng họ mà có; đối với việc tu đạo, giòng dõi tuyệt đối không có một ý nghĩa nào cả, mà chỉ khác nhau ở chỗ có hăng hái hay không trong việc tiến tu mà thôi: đó là chủ trương cốt tủy của Phật và các đệ tử*”. Trong các giáo lý của Ngài, ngài luôn khẳng định không phân biệt giai cấp, địa vị, hình dáng đẹp xấu hay giới tính nam hay nữ... tất cả, sau khi xuất gia đều sống đời sống tu hành Phạm hạnh, đều là Sa môn đệ tử Phật, sự bình đẳng không phân biệt này như

trăm sông đổ về biển: “*Ví như, này Paharada, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravatì, sông Sarabhù, sông Mahì, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ trước, trở thành biển lớn. Cũng vậy, này Paharàda, có bốn giai cấp này: Sát đế ly, Bà la môn, Phệ xá, Thủ đà, sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong pháp và luật được Như Lai tuyên bố này, chúng từ bỏ tên và họ của chúng từ trước, và chúng trở thành những Sa môn Thích tử*” [9]. Tất cả các con sông đổ ra biển đều đồng có vị mặn, cũng vậy giáo pháp của Như lai cũng có một vị đó chính là vị giải thoát vị hạnh phúc, ngọt ngào bên bờ chánh giác [10].

Các nghiên cứu trước nghiên cứu về bình đẳng trên mọi lĩnh vực từ giáo dục, đến kinh tế, văn hóa, đời sống... đều khẳng định rằng vấn đề bình đẳng giới có mối liên hệ với nhận thức của chính cả giới nam và nữ. Trong đó giáo dục cũng góp phần ảnh hưởng khá quan trọng trong vấn đề bình đẳng [11]. Điều đáng quan tâm là vấn đề bình đẳng giới không chỉ nhận được sự quan tâm của xã hội thế tục nói riêng mà còn nhận được sự chú trọng trong các nghiên cứu tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo. Đã có rất nhiều nghiên cứu quan tâm đến tư tưởng bình đẳng trong Phật giáo như tư tưởng bình đẳng trong đạo Phật ảnh hưởng đến đời sống người dân hiện đại, giá trị của Phật giáo trong điều kiện kinh tế thị trường, nghiên cứu quan điểm vị trí của nữ giới trong Phật giáo [12]; [13]; [14]; [15], các tác giả đã đề cập đến những đóng góp tích cực của Phật giáo trong xã hội hiện nay và ý nghĩa của việc phát huy những giá trị của Phật giáo trong việc xây dựng một nền đạo đức mới trong điều kiện kinh tế thị trường. Bên cạnh đó, tinh thần bình đẳng trong Phật giáo còn là yếu tố đặc biệt tác động đến sự phát triển của nhân loại [8]. Hiểu biết về bình đẳng theo tinh thần Phật giáo khiến cuộc sống của mọi người trở nên hạnh phúc hơn [10]. Tuy nhiên, vấn đề về giới còn là một ẩn số dù các nhà nghiên cứu luôn khẳng định rằng đức Phật xuất hiện là cứu cánh của nữ giới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện dựa trên phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh và đối chiếu là chủ yếu, nhằm làm rõ lời Phật dạy về tư tưởng bình đẳng trong hôn nhân. Đồng thời, tìm hiểu việc ứng dụng lời Phật dạy vào đời sống thực tiễn, nhờ vào phương pháp phân tích, so sánh đối chiếu nghiên cứu sẽ xây dựng những giải pháp hiệu quả làm nền tảng cho hôn nhân bền vững.

2.2. Quan điểm về bình đẳng hôn nhân

Để đạt được hôn nhân bình đẳng, vợ chồng phải duy trì quan điểm đồng thời của bản thân với tư cách là cá nhân và cả hai phải có cảm giác “cùng có nhau” đồng thời có kế hoạch cuộc sống của cá nhân. Hôn nhân này dựa trên cả hai sẵn sàng đồng thuận, có khả năng thương lượng về các mong muốn từ các kế hoạch sống chung của họ không bị chi phối bởi vai trò giới tính hoặc đặc điểm giới tính. Họ phải có quan điểm đồng thời trong hôn nhân. Như đức Phật dạy trong kinh Tăng chi: “... *khi cả hai vợ và chồng muốn thấy mặt nhau trong đời này... cả hai người là đồng tín, đồng giới, đồng thí, đồng trí tuệ*” [16].

Theo quan điểm của Phật giáo, muốn giữ mối quan hệ vợ chồng được hạnh phúc bền lâu phải có bốn sự tương đồng, đó là cả hai người là đồng tín, đồng giới, đồng thí đồng trí tuệ” [17]. Thứ nhất, “*Đồng tín*” hay tương đồng về niềm tin tôn giáo, cùng một tín ngưỡng để cả hai dễ gần nhau, hiểu nhau và dễ thống nhất với nhau về các giá trị sống, việc tin tưởng lẫn nhau trong nhiều phương diện cũng là yếu tố quan trọng để tạo nên hạnh phúc hôn nhân. Thứ hai, “*Đồng giới*” hay tương đồng về chuẩn mực đạo đức dựa trên năm nguyên tắc chuẩn mực đạo đức của Phật giáo dành cho người tại gia bao gồm: “*người cư sĩ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho,*

từ bỏ tà hạnh, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu” [18]. Năm chuẩn mực này khi được thực hành trọn vẹn sẽ bảo hộ cho đời sống hôn nhân, cho bản thân, cho tha nhân và cho xã hội. Thứ ba, “*Đồng thí*” hay tương đồng về lòng thí xả, vị tha nói cách khác là biết phóng xả, bố thí. Phật dạy hàng cư sĩ phải biết sử dụng tài sản khéo léo để tạo hạnh phúc cho bản thân, tăng thêm những phước quả trong hiện tại hoặc đời sống vị lai như *Kinh Tăng Chi* đề cập: “*tài sản giúp cha mẹ, giúp vợ con, người phục vụ, người làm công và bạn bè thân hữu; hiến cúng cho các vong linh quá khứ, hiến cúng cho vua, hiến cúng cho chư Thiên*” [19]. Bởi một tâm hồn rộng rãi luôn được mọi người thương yêu, theo nhân quả việc giúp người khốn khó hay cúng dường các bậc phạm hạnh sẽ đem đến cho lứa đôi phước quả tối thắng. Thứ tư, “*Đồng trí tuệ*” hay tương đồng về nhận thức: đối nhân xử thế, kinh nghiệm sống, thấu hiểu lẫn nhau. Khi vợ chồng không có sự tương đồng về sự hiểu biết sẽ tạo nên sự khập khiễng trong vấn đề thấu hiểu, cảm thông và dễ dẫn đến hiểu lầm về người kia.

Những người bạn đời có giá trị ngang nhau là điều duy trì một cuộc hôn nhân theo thời gian, từ những tình huống cuộc sống và sự phát triển của cá nhân, sự cảm thông, hợp tác phản ánh bình đẳng giá trị, nâng cao cảm giác yêu thương lẫn nhau. Cả hai đều hiểu rằng, giá trị của mỗi người là như nhau, cả hai sẵn sàng bao dung làm hài lòng mong muốn của nhau, chia sẻ những điều họ còn thắc mắc hoặc chưa thấu hiểu đối phương, họ không tìm kiếm đặc quyền nào hay muốn hơn địa vị của người kia, họ sẵn sàng hi sinh vì lợi ích chung, sẵn sàng học hỏi và hay đổi dựa trên những kết quả đã thực hiện qua các hành động. Hôn nhân còn bình đẳng thể hiện qua việc nuôi dạy con cái, trong ngôi nhà Phật giáo, cha mẹ có trách vụ quan trọng mà cha mẹ phải làm đó là hướng con trở về quy y tam bảo, mục đích dạy con *ngăn chặn con làm điều ác; khuyến khích con làm điều thiện* [20]... Đức Phật khuyên các bậc cha mẹ không chỉ chăm lo cho các con về phương diện vật chất mà cả phương diện tinh thần, nhân cách đạo đức. Bình đẳng trong mối quan hệ giữa anh em, họ hàng, thân tộc, với Phật giáo, đề quan hệ anh em, thân tộc được giữ gìn và phát triển cần hội tụ những đức tính như tinh thần đoàn kết; tương kính, nhường nhịn và chia sẻ; giữ vững truyền thống, đạo đức; thái độ tự chủ, độc lập, không ỷ lại [21]. Tinh thần đoàn kết là tạo thành một khối tổng hợp, có sức mạnh của nội lực, chuẩn mực sống theo *nguyên tắc lục hòa* [22] góp phần tạo nên một sự liên kết chặt chẽ, không dễ gì tách rời. Đức thế Tôn khẳng định: “*Các bà con không nên tranh cãi nhau, tranh cãi là nguồn gốc diệt vong*” [23], vợ chồng cần hài hòa trong các mối quan hệ từ gia đình đến ngoài xã hội điều đó thể hiện sự tin tưởng, sự hiểu biết và tôn trọng nhau.

Ngoài ra, hôn nhân bền vững cần dựa trên bảy nguyên tắc như sau: bồi dưỡng tình yêu theo lộ trình, nuôi dưỡng sự yêu mến và ngưỡng mộ lẫn nhau, hướng về nhau, để cả hai có sự ảnh hưởng qua lại lẫn nhau, giải quyết những vấn đề có thể cho nhau, vượt qua Gridlock và tạo ý nghĩa chung. Nếu một cuộc hôn nhân tuân thủ các nguyên tắc này thì sẽ có cơ hội hình thành một quan hệ ổn định và hạnh phúc.

Việc li hôn xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm những nguyên nhân xuất phát từ giai đoạn trước hôn nhân như thời gian tìm hiểu quá ngắn, động cơ kết hôn là do hoàn thành nghĩa vụ với gia đình, sự thiếu chuẩn bị những kiến thức cần thiết về cuộc sống vợ chồng; cho đến những nguyên nhân xuất phát trong giai đoạn sau khi kết hôn như quan niệm sai lầm về tình yêu và hôn nhân, sự thiếu bình đẳng giữa vợ và chồng, mâu thuẫn thể hệ dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, vấn đề ngoại tình và những quan niệm quá dễ dãi về li hôn. Các nghiên cứu ở Việt Nam cũng đã chỉ ra những nguyên nhân phổ biến bao gồm sự không hợp nhau về lối sống,

tính cách, sự xung đột về kinh tế, ngoại tình và bạo lực gia. Trong đó, những nguyên nhân được xem là chính yếu dẫn đến việc tan vỡ gia đình là sự thiếu bình đẳng giữa vợ chồng và vấn đề ngoại tình.

Tuy nhiên, trên thực tế việc thực hiện bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng lại không thật sự bình đẳng khi mà văn hóa Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến và Nho giáo. Tư duy “trọng nam khinh nữ” đã khắc sâu trong nền văn hóa. Do vậy mà ở một số gia đình, người phụ nữ vẫn phải chịu nhiều sự bất công và hiếm khi người chồng có thể thực hiện được năm điều mà một người chồng nên làm đối với vợ.

2.3. Nền tảng của hôn nhân bền vững

2.3.1. Các mối quan hệ vợ chồng theo quan niệm của Phật giáo

Mối quan hệ vợ chồng dựa trên cơ sở tự nguyện, yêu thương, phát nguyện trọn đời sống cùng nhau. Tùy theo năng lực, điều kiện khách quan, chủ quan, điều kiện nghiệp lực của mỗi bên mà có những cặp vợ chồng tương ứng. Theo thực tế cuộc sống, có những cặp vợ chồng hạnh phúc trọn vẹn cũng có những cặp vợ chồng hạnh phúc và khổ đau đan xen, có những mối quan hệ tiềm ẩn những nguy cơ đau khổ... Vợ chồng là do duyên nghiệp, con đường đi đến hạnh phúc lứa đôi không phải được trải đầy hoa hồng và có cả công gai thử thách. Với tuệ giác, đức Phật đã thấy rõ và nêu ra bốn loại quan hệ vợ chồng, đó là, (1) *Đê tiện nam sống chung với đê tiện nữ* [24], ở đây cặp vợ chồng này đều có những khiếm khuyết về pháp học, về chuẩn mực đạo đức cơ bản của một con người; (2) *Đê tiện nam sống chung với thiên nữ* [25], ở đây gia đình này có người chồng rất hung dữ, khiếm khuyết về những chuẩn mực, giá trị đạo đức như sát sanh, trộm cắp, uống rượu... trong khi đó người vợ luôn hiền hòa, mẫu mực, kham nhẫn, chịu đựng sống thập thiện và tuân thủ năm chuẩn mực đạo đức của một người cư sĩ; (3) *Thiên nam sống chung với một đê tiện nữ* [26], ở đây gia đình này ngược lại hoàn toàn với mẫu hình gia đình số 2, trong khi người chồng có đủ thiện pháp, phẩm hạnh, sống vì vợ con thì người vợ phóng túng, tiêu xài hoang phí, vi phạm những giá trị đạo đức, thuần phong mỹ tục. Trong kinh Tăng chi đức Phật ví người vợ này như vợ sát nhân, vợ ăn trộm [26]; (4) *Thiên nam sống chung với một thiên nữ* [24], ở đây vợ chồng hòa thuận, cùng sống hướng về chánh pháp theo đúng tiêu chuẩn của người Phật tử tại gia, sống thập thiện, hành thiện, giữ giới đức, phẩm hạnh của một cư sĩ. Thời Đức Phật ta có thể thấy điển hình là vợ chồng Nakula, vợ chồng Anathapindika, vợ chồng Visakha... những gia đình cư sĩ giàu đức hi sinh và có tấm lòng nhân hậu.

2.3.2. Mẫu hình gia đình lí tưởng

Đất nước Ấn Độ trước thời kì đức Phật xuất hiện, vị thế người phụ nữ không được xem trọng, một xã hội người phụ nữ không có tiếng nói, sống đúng với bốn phận phục vụ cho gia đình, chồng con. Xã hội Việt Nam chịu ảnh hưởng của chế độ Phong kiến hơn 1000 năm, cũng ảnh hưởng nặng nề bởi tư tưởng nho giáo, người phụ nữ sống theo truyền thống *Tam tòng tứ đức* (Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử/ Công – Ngôn – Dung – Hạnh). Đến khi đức Phật xuất hiện, vị thế người phụ nữ đã được thay đổi, đức Phật là người đầu tiên đứng về phía người phụ nữ, đòi quyền lợi cho họ. Tiếp cận theo văn học Phật giáo, có thể khẳng định rằng vị trí của nữ giới trong xã hội Ấn Độ trước khi có sự hiện diện của đức Phật và khi đức Phật xuất hiện là hoàn toàn trái ngược nhau, được xem như một cuộc cách mạng giải phóng phụ rất đáng ganh tị, rất đáng tôn kính mà trước thời kì này chưa hề có. Người phụ nữ không còn bị định kiến xã hội khinh khi hay xem là nỗi thất vọng của gia đình và xã hội, họ có thể lựa chọn cho bản thân một cuộc sống độc lập, tự do, sống theo lí tưởng và tiếng gọi của tâm thức. Phật giáo cho rằng, vị thế của phụ nữ trong xã hội phải được bắt đầu từ gia đình. Khi và chỉ khi họ đóng vai trò quan trọng trong gia đình thì cũng là lúc họ thể hiện được vai trò của họ trong xã hội, nữ giới không thua kém gì so với nam giới; do vậy, những gì nam giới làm được thì nữ giới

cũng có thể làm được. Trong gia đình, vợ chồng phải yêu thương tin tưởng lẫn nhau, sống một đời sống thủy chung và trợ duyên cho nhau. Trường hợp cha mẹ Nakula, chúng ta có thể thấy rằng đây là một mẫu gia đình của “*Thiên nam sống chung với một thiên nữ*”, cả hai vợ chồng đều sống trong giới pháp của Như lai, các chuẩn mực đạo đức làm người, biết cung kính cúng dường các vị Sa môn, tâm biết phóng xả, sống đúng chuẩn một vị cư sĩ theo lời dạy của đức Phật lúc bấy giờ. Đây có thể được xem là một mẫu gia đình ý tưởng mà gia đình cư sĩ phải hướng về, cả xã hội thời bấy giờ hay xã hội hiện đại ngày nay. Chỉ khi có sự hiện diện của tình yêu đích thực, thì con người có đủ sức mạnh để cùng nhau đi suốt cuộc đời [27].

Cha mẹ Nakula là một minh chứng sinh động về việc thủy chung và tương trợ lẫn nhau trong phút giây cuối của đời người. Theo kinh, cha Nakula bệnh nặng, nằm trên giường bệnh khó qua khỏi, lúc ấy, tâm thức của ông khi có muôn ngàn điều suy nghĩ thiện và bất thiện đều khởi lên quán chặt lấy tâm tư. Cha Nakula suy nghĩ, trụ cột gia đình hiện tại là ông, nếu bây giờ ông ra đi đột ngột, biết gia đình ai sẽ lo lắng, rơi vào tình trạng thiếu ăn, thiếu mặc có thể dẫn đến bán nhà cửa? Mẹ Nakula đã biết và hiểu, với tình thương cảm và thấu hiểu chồng, trong giây phút thập tử nhất sinh ấy, mẹ Nakula đã hứa chắc thật, ngoài nội dung thường tình, những lời hứa này còn mang những nội dung giáo giới của pháp Phật nhằm dẫn dắt tâm tư của chồng để ông thấy được an khi phải đối diện với những lo lắng trước lúc ra đi cũng như chuyển hóa chồng mình. Mẹ Nakula thưa rằng: “*Thưa Gia chủ, chớ có nghĩ như vậy! ... tôi khéo léo dệt vải và chải lông cừu. Thưa Gia chủ, sau khi Gia chủ mệnh chung, tôi có thể nuôi dưỡng các con và duy trì nhà cửa*”. Người chồng lại nghĩ, hoặc vợ mình còn trẻ đẹp thế này, mình chết sớm, có lẽ bà ấy sẽ tái giá mất thôi. Thưa Gia chủ, Gia chủ có thể suy nghĩ như sau: “*Nữ Gia chủ, mẹ Nakula, sau khi ta mệnh chung, sẽ đi đến một gia đình khác*”. Mẹ Nakula đã từ tốn mà nói với chồng về đức tính, sống thực hành phạm hạnh của mình trong suốt thời gian sống cùng chồng mười sáu năm qua để ông thấy an lòng. Đôi khi, cha Nakula cũng có những tư tưởng cao quý hơn được phát khởi như khi ông còn sống, cả hai đều đi nghe pháp, lên tinh xá gặp Phật và chư Tăng, nghiêm trì học giới, khi mình mất rồi, vợ có còn thực hiện các việc lành này không? Người vợ hiểu được tâm ý của chồng nên đã giảng giải để cho chồng yên tâm như một lời hứa khả với lòng từ mẫn, vì muốn hạnh phúc nên đã giáo giới cho chồng. Mẹ Nakula không phải nói với chồng những lời nói suông, mà những lời này xuất phát từ người hiểu đạo lí, hiểu được tâm ý của người bạn đời lo lắng cho mình [28].

2.3.3. Xây dựng gia đình hạnh phúc theo cách nhìn từ Phật giáo

Gia đình Nakula là gia đình biểu mẫu, sống trong tình thương, dù trong ý nghĩ cũng không có sự xâm phạm lẫn nhau. Theo tuệ giác của Thế Tôn, để nuôi dưỡng hạnh phúc dài lâu, cả hai cần kiên toàn bản thân, đồng tu tập về tín, giới, thí và tuệ. Để làm được như vậy, giữa hai bên cần có sự tương đồng về nhận thức. Từ đó tương thông với nhau về mọi mặt trong cuộc sống. Tình thương cộng với hiểu biết là hai yếu tố quan trọng trong việc giữ gìn hạnh phúc lứa đôi. Tin tưởng vào bản thân và người bạn đời của mình là điều kiện không thể thiếu trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình. Theo thượng tọa Thích Chúc Phú, “*niềm tin ở đây chính là niềm tin tôn giáo*” [29]. Khi cả hai cùng hướng tâm về một tôn giáo thì mối quan hệ vợ chồng càng gắn kết keo sơn. Bởi ở họ có những quan điểm, cách thức nhìn nhận cuộc sống, ngay cả trên những phương thức xây dựng đời sống tâm linh cũng như cơ sở vật chất đều giống nhau. Đây chính là cơ sở tạo nên hạnh phúc gia đình ấm no hạnh phúc.

Kể đến, cả hai đều tự nguyện giữ gìn phạm hạnh, thủy chung son sắc. Theo Phật giáo, có năm nền tảng đạo đức căn bản mà con người tự nguyện hành theo. Năm nền tảng đạo đức trên được Thế Tôn dạy trong *Kinh Pháp Cú*: “*Ai ở đời sát sanh, nói láo không chân thật, ở đời lấy không cho, qua lại với vợ người, uống rượu men, rượu nấu, người sống đam mê vậy, chính ngay tại đời này, tự đào bới gốc mình*” [17]. Năm tiêu chuẩn đạo đức mà Thế Tôn đề xuất là không làm hại đến mình và người, không lấy của không cho, sống chung thủy một vợ một chồng, nói lời chân thật và không sử dụng chất kích thích. Năm điều nêu trên nếu giữ gìn trọn vẹn sẽ mang đến lợi ích vô cùng lớn lao cho bản thân, gia đình và xã hội. Thế nên, cả hai đồng nhau về nền tảng đạo đức, sống với đầy đủ trách nhiệm và bổn phận theo năm cách nêu trên là điều kiện quan trọng trong xây dựng hạnh phúc hôn nhân.

Hai sự tương đồng cuối cùng là tương đồng về bố thí và tu tập trí tuệ. Tài sản vật chất không thể thiếu trong đời sống mỗi con người nói riêng và trong xây dựng hạnh phúc gia đình nói chung. Thế Tôn đã dạy hàng cư sĩ nên thiện xảo trong sử dụng tài sản của mình nhằm ổn định kinh tế và tăng trưởng phước báo ở hiện tại và cả vị lai. Người tại gia biết dùng tài sản “*giúp cha mẹ, giúp vợ con, người phục vụ, người làm công và bạn bè thân hữu*” [25].

Khi đời sống kinh tế của gia đình ổn định thì việc giúp đỡ những người thân cận là việc thiện nên làm. Tuy nhiên trong thực tế, có những gia đình rất chi li trong việc chi tiêu. Điều này đưa đến đổ vỡ tình cảm gia đình. Người trí luôn quản lý chi tiêu một cách hợp lý vì thế trong các mối quan hệ hiện tại được nhiều người kính trọng và thương yêu. Và đây cũng là nhân lành để nhiều đời về sau được sung túc, ấm no. Ngẫm lại lời dạy của đức Phật trong *Kinh Tương Ưng*, mới thấy được nhân quả được gieo trồng và gặt hái, thấy được trái ngọt của hạnh phúc hôn nhân cũng cần trải qua thời gian và thử thách: *Chính phải cộng trú mới biết được giới đức của một người, và phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác ý, không phải không có tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ* [26].

Theo lời dạy của đức Phật, người viết có thể cho rằng ứng xử trong gia đình cần dựa vào bốn tiêu chí Tôn trọng - Bình đẳng - Yêu thương - Chia sẻ. Hơn thế nữa ở đó có bốn giá trị cốt lõi cần thiết tạo nên sự trân trọng đối với bất cứ mối quan hệ và hướng đi cuộc sống nào, đó là, Bình đẳng – Tự chủ – Sự phụ thuộc – Sự quan tâm. Đời sống hôn nhân để được hạnh phúc là điều mà không thể xuất phát từ một phía, cũng không thể đơn thuần mà có được, tất cả được tích lũy qua một quá trình sống có trí tuệ, có chia sẻ, cảm thông và thấu hiểu. Để sống đời vợ chồng hạnh phúc, vợ và chồng cần phải có những đức hạnh cần thiết, đó là, phẩm chất từ bi, có một nghề nghiệp chân chánh chuẩn mực, biết tri túc về tính dục, biết chân thật và chánh niệm tinh thức trong mối quan hệ. Vì vậy, theo lời Phật dạy, để xây dựng một hôn nhân vững chắc, có ấm no, hạnh phúc về phương diện vật chất thì vợ chồng cần siêng năng tháo vát trong việc tạo ra tài sản, biết sử dụng tài sản một cách hợp lý, không để thất thoát.

Về phương diện tinh thần, Phật giáo khuyên các cặp vợ chồng mở rộng phạm vi cái “tôi” bằng lối sống vị tha làm cho mọi người được vui vẻ. Vợ chồng đôi khi xảy ra bất hòa, mâu thuẫn cần thực tập tâm xả để buông bỏ những rắc rối, không giữ lòng định kiến sân hận. Những đổ vỡ, bất ổn trong đời sống gia đình dẫn đến đau khổ, bất hạnh gây ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội, làm chất lượng cuộc sống không đảm bảo đã khiến cho nhân loại sau hơn 25 thế kỷ nhìn lại và nhận ra những giá trị tích cực trong lời Phật dạy về quan hệ vợ chồng. Vợ chồng nếu thực hành đạo nghĩa vợ chồng theo đúng tinh thần Phật giáo, chắc hẳn rằng sẽ giữ được hạnh phúc dài lâu, mối quan hệ ở hiện đời và có thể sẽ gặp lại người bạn đời và cùng chung sống trong kiếp vị lai.

Trong Phật giáo, để hai người sống cùng nhau ở đời này và những đời sau thì phải có bốn sự tương đồng như đã được đề cập ở trên. Các gia đình hạnh phúc đều có những điểm gần gũi giống nhau, tương đương nhau, còn các gia đình không hạnh phúc thì có những điều bất hạnh

khác nhau. Vì thế, vợ chồng nên sống vị tha, bao dung, thực hành phát triển tâm từ (*Metta*, bi (*Karuna*, hỷ (*Mudita*, xả (*Upekkha*) hay nói cách khác thực hành Tứ vô lượng tâm trong đời sống hằng ngày.

Vợ chồng biết cách phát triển tâm Từ, tâm Bi, tâm Hỷ, tâm Xả thì sẽ biết cách hàn gắn những vết thương lòng do sân hận, phiền não, bất an, thù hiềm, cô đơn và cố chấp đem lại. Theo *Kinh Tăng Chi Bộ* đức Phật dạy: “Nếu tâm sân khởi lên như một vị Tỳ kheo, thì vị ấy nên thực hành buông xả tâm Từ, Bi hoặc Xả đến với người đã đem lại cho vị ấy sự ân hận” [30], tất cả đều đưa tâm ta trở về trạng thái tĩnh để nhìn nhận sự việc. Mở rộng sự bao dung, vị tha cho những chuyện mình đang đối mặt.

Thứ nhất, phát triển tâm từ, để phát triển tâm từ, phát triển lòng thương yêu, trong mối quan hệ vợ chồng để có được sự thương yêu thì phải có sự hiểu, biết, có hiểu biết mới có thương yêu bền vững, để làm được điều này chúng ta phải từ bỏ cái bản ngã của bản thân, hãy xem mình là người, người là mình để dễ dàng thấu hiểu, cảm thông và chia sẻ thì mới có được thương yêu. Tuy nhiên, điều này phải xuất phát từ cặp đôi, chỉ một đối phương thực hiện cũng khó đạt được sự hiểu và thương.

Thứ hai, tâm bi, bi là buồn, tuy nhiên ở đây không phải u sầu khổ não, mà là vợ hoặc chồng phải xem phiền não của đối phương như của chính ta giúp ta hòa mình ta với người đau thương của người và cảm nhận đau khổ như họ, giúp ta thấu hiểu và chia sẻ.

Thứ 3, tâm hỷ, hỷ ở đây không phải cái gì mang lại lợi lạc cho mình thì mình mới vui. Tâm hoàn toàn thanh tịnh, không vị ngã, lấy hoan hỷ của đối phương làm cái hoan hỷ cho ta mà mong cầu lợi lộc cho ta vì ta đặt cái vui của ta ngoài bản ngã ta và hơn nữa ta và người vui kia là một.

Cuối cùng là tâm xả, xả là trạng thái của tâm khiến cho giữa ta và người không còn sự riêng biệt chia cách, cùng với ta là đồng nhất thể, không còn bị chi phối, kích động hay chao động bởi bất cứ tác động từ trong mối quan hệ hay môi trường xung quanh. Từ - bi - hỷ - xả là một chuỗi liên hoàn, trong con người tâm từ thì sẽ phát triển được tâm bi, trong tâm bi có tâm từ và hỷ, xả cũng như vậy. Trường hợp vợ chồng Nakula gần như hoàn toàn họ đã thực hành vận dụng điều này vào đời sống gia đình, cả hai cùng có cùng lí tưởng sống và trách vụ với cuộc sống với chánh pháp.

Tóm lại, vợ chồng là kết quả của sự yêu thương, bao dung và tha thứ. Phải chăng, mỗi người sinh ra trên cuộc đời này ai cũng có những mảnh ghép trùng khớp giành riêng cho mình? Hay đó là sự cố gắng dung hoà giữa hai cá thể để cố gắng làm tròn trách nhiệm và bổn phận của mình để hôn nhân bền vững. Thành ngữ Việt Nam có câu “*thuận vợ thuận chồng, tát biển đông cũng cạn*”. Vợ chồng phải cùng nhau nỗ lực vượt qua những khó khăn, thử thách để kiến tạo được một gia đình hạnh phúc bởi lẽ nghịch cảnh chính là phép thử của tình cảm.

3. Kết luận

Gia đình là nơi khởi đầu của một con người, nơi lưu giữ những ký ức, dấu vết trưởng thành và nuôi dưỡng ước mơ, trong đó, hôn nhân là một khởi đầu của một gia đình. Dù cấu trúc gia đình là khác nhau nhưng vẫn tồn tại những giá trị cốt lõi đều đáng được trân trọng và nhìn nhận ngang nhau. Phật dạy: “Này các Tỳ - kheo, tùy thuộc theo giới hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí” [31]. Đối với đời sống gia đình cùng vậy, để sống hòa thuận, yêu thương, có một đời sống tương đối đầy đủ, Phật gọi đó là hạnh phúc. Mỗi kiểu gia đình có sự hòa hợp riêng, có sự hạnh phúc riêng như thành ngữ có câu “nồi nào úp vung đó”, chỉ có người trong cùng gia đình mới thấu hiểu và cảm thông. Qua mẫu hình Cha mẹ Nakula, cho chúng ta thấy được gia đình là tổ ấm thiêng liêng và cao cả, đặc biệt với người cư sĩ, sống đạo đức, trang nghiêm giới hạnh, thăng bằng, điều hòa và có giới pháp để hành trì cũng như giáo giới cho người thì sẽ gặt hái được những hoa thơm trái ngọt ở

đời này và đời sau. Tình yêu chân thành và đúng nghĩa nó phải bao hàm cả bốn sự tương đồng và hạnh Từ - Bi - Hỷ - Xả trong bản thân của vấn đề. Đức Phật dạy cho các pháp nói chung, pháp môn Tứ vô lượng tâm nói riêng, Ngài đã hướng dẫn cho chúng ta một cách sống hữu dụng, làm lợi lạc cho giáo pháp cũng như lợi ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội. Điều quan trọng hơn là các cặp vợ chồng phải hiểu thật kỹ và thực hành chúng thật đúng đắn trong đời sống hàng ngày, chạm đến cái ngưỡng của sự mong đợi của nhân quả. Đó là một trong những cách để yêu thương hay được yêu thương, mang đến tiếng cười, niềm vui cho tất cả pháp giới chúng sanh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] ĐTKVN, 1996. *Kinh Tương Ưng Bộ*. tập 5, VNCPHVN, tr. 420.
- [2] Dhamma, Ven. Dr. Rewata, 1997. *The First Discourse of the Buddha, Wisdom*, ISBN 0-86171-104-1.
- [3] ĐTKVN, Kinh Tăng Chi Bộ I, 1996. *Kinh Xứng đôi*, VNCPHVN ấn hành, tr. 668.
- [4] E. Haldeman-Julius, 2006. *The Essence of Buddhism*, được phát hành by Marilynnda Fraser-Cunliffe, Sankar Viswanathan, and the Online Distributed Proofreading Team at <http://www.pgdp.net>.
- [5] ĐTKVN, Kinh Trường Bộ II, 1991. *Kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt*. Nxb Tp Hồ Chí Minh, tr.541 – 542.
- [6] Quốc Hội, *Luật Hôn nhân và Gia đình*, 2014, số 52/2014/QH13, Điều 2.
- [7] CEDAW, 1967. Convention on the Elimination of all forms of Discrimination against Women - “*Công ước của Liên Hợp Quốc về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ*”, điểm b khoản 1, Điều 16.
- [8] Trần Hồng Liên, 2019. *Tinh bình đẳng trong Phật giáo đối với sự phát triển của nhân loại toàn cầu*. Kỷ yếu Hội thảo Phật giáo quốc tế với chủ đề “Cách tiếp cận của Phật giáo về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững” (Buddhist Approach to Global Leadership and Shared Responsibilities for Sustainable Societies. Nxb Tôn giáo, tr.207 – 216.
- [9] ĐTKVN, 1996. *Kinh Tăng Chi Bộ I*. tập 5, VNCPHVN, tr.661.
- [10] Thích Nữ Nhuận Bình, 2019. *Tinh thần bình đẳng của đạo Phật giúp cuộc sống hạnh phúc và bảo vệ môi trường sinh thái*. Hội thảo Phật giáo quốc tế với chủ đề “Cách tiếp cận của Phật giáo về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững” (Buddhist Approach to Global Leadership and Shared Responsibilities for Sustainable Societies). Nxb Tôn Giáo. Tr. 237 – 250.
- [11] Trần Thị Diễm Cần, 2020. “The situation of gender equality in rural education in Tran De District, Soc Trang province”. *Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, DOI: 10.18173/2354-1067.2020-0077; Volume 65, Issue 11, pp. 123-131.
- [12] I. B. Horner, 1999. *Women Under Primitive Buddhism* (RAP). Nxb Asia Book Corporation of America.
- [13] R. Morris E. Hardy, 1885 – 1900. *Anguttara Nikāya*, (ed. London: PTS, 5 Vols.
- [14] Karma Lekshe Tsomo, 1999. *Buddhist Women across Cultures*. Nxb P. State University of New York Press;
- [15] ĐTKVN, Kinh Tăng Chi Bộ I, 1996. tập 5, VNCPHVN, tr.661.
- [16] ĐTKVN, Kinh Tăng Chi Bộ III, 1996. *Kinh Các người vợ*, tr.408.
- [17] Thích Minh Châu Việt dịch, *Kinh Pháp Cú*, Nxb Đuốc Tuệ, tr. 246-247.
- [18] Thích Chúc Phú, *Vài vấn đề Phật giáo và Nhân sinh*, Nxb Hồng Đức, 2013, tr. 70.
- [19] Trường Bộ, II, 1991. *Kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt*, NXB. TP Hồ Chí Minh, tr.541 – 542.

- [20] Chúc Phú, 2013. *Vài Vấn đề về Phật giáo và Nhân sinh*. Nxb Hồng Đức, tr 99 – 104.
- [21] Kinh Trung Bộ I, Kinh Kosambya, VNCPHVN, 1992, tr704.
- [22] Thích Chúc Phú, 2013. *Vài vấn đề về Phật giáo và Nhân sinh*. Nxb Hồng Đức, tr 99 – 104.
- [23] ĐTKVN, Kinh Tăng Chi Bộ I, 1996. *Kinh người vợ trẻ*, tr702.
- [24] ĐTKVN, Kinh Tăng Chi Bộ III, 1996. *Kinh Các người vợ*, tr408.
- [25] ĐTKVN, Tăng Chi Bộ I, 1996. *Kinh Bốn nghiệp công đức*, Tr. 679.
- [26] ĐTKVN, Kinh Trường Bộ, II, *Kinh Giáo thọ Thi Ca La Việt*. Nxb TP Hồ Chí Minh, 1991, tr.541 – 542.
- [27] ĐTKVN, *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, chương 4 pháp, phẩm Nguồn sanh phước, *Kinh Xứng Đới*, VNCPHVN, 1996, tr. 669.
- [28] Thích Chúc Phú, 2013. *Vài Vấn đề về Phật giáo và Nhân sinh*. Nxb Hồng Đức, tr 101.
- [29] ĐTKVN, *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập 5, chương 11, phẩm Phước đức sung mãn, *phần Mahānāma*, VNCPHVN, 1996, tr. 574.
- [30] ĐTKVN, *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, chương 4 pháp, phẩm Nghiệp công đức, *Kinh Bốn Nghiệp Công Đức*, VNCPHVN, 1996, tr. 679.
- [31] ĐTKVN, Kinh Tương Ưng Bộ, *Kinh Liệt Ý Chí*, VNCPHVN, 1993, tr269.

ABSTRACT

Marriage equality in Buddhism

Tran Thi Diem Can^{1*} and Nguyen Le Man²

¹*Vietnam Buddhist Univesity – HCM City (VBU)*

²*VNUHCM –University of Social Sciences and Humanities*

The study aimed to analyze the equality in the marriage relationship of Buddhism through the Nikaya Canon. Analytical and comparative methods were mainly used in the study. Research results showed that, even though it has been more than 2600 years, the Buddha's teaching on marriage has never been out of date. To have a happy marriage, the husband and wife have to achieve four similarities or homogeneity, including, Samasaddhā, Samasīla, Samacāgā và Samapaññā. The application of Buddha's teachings to life in general and marriage, in particular, has a profound meaning and brings many values to human development. From the analysis results of the typical ideal family model when the Buddha was alive as “*Nakula's parents*” – the marriage is built on the spirit of Buddha's thought along with Buddhist views on equality. The research proposed a method of practice to maintain a stable marriage foundation in the spirit of the Buddha's teachings, contributing to building a healthy spiritual life for modern Vietnamese people.

Keywords: Buddhism, equality, marriage.